TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƯ THANH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HS-ST
Ngày 07 - 5 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lục Đại Cương;
- Ông Nguyễn Văn Len.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Chiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dâ huyện Như Thanh tham gia phiên tòa: Ông Mai Xuân Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2020/TLST- HS ngày 27 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T - Sinh ngày 10 tháng 5 năm 1982 tại: thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: khu phố X, thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12.

Con ông: Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Đỗ Thị S (sinh năm 1954)

Có vợ là Nguyễn Thị T và 02 người con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/02/2020 đến ngày 28/02/2020 được tại ngoại;

Có mặt tại phiên tòa

2 Nguyễn Văn A - Sinh ngày 02 tháng 9 năm 1977 tại: thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Khu phố V 1, thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12.

Con ông: Nguyễn Đình B và bà Nguyễn Thị D.

Có vợ là Lê Thị D và 02 con

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/02/2020 đến ngày 28/02/2020 được tại ngoại;

Có mặt tại phiên tòa

3. Trịnh Văn N - Sinh ngày 12 tháng 6 năm 1974 tại: Xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn A, xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Dân tộc: Kinh; giới tính: Năm; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/12.

Con ông: Trịnh Văn M (đã chết) và bà Phạm Thị U (đã chết).

Có vợ là Nguyễn Thị P và 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/02/2020 đến ngày 28/02/2020 được tại ngoại;

Có mặt tại phiên tòa

4. Hoàng Ngọc S - Sinh ngày 05 tháng 8 năm 1960 tại: Xã Hoằng Đồng, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn X, xã Y1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/10.

Con ông Hoàng Ngọc G (đã chết) và bà Tạ Thị L (đã chết).

Có vợ là Nguyễn Thị Đ và 03 con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/02/2020 đến ngày 28/02/2020 được tại ngoại;

Có mặt tại phiên tòa

5. Hoàng Huy Đ - Sinh ngày 10 tháng 05 năm 1974 tại: thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Khu phố H, thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 03/10.

Con ông: Hoàng Duy L (đã chết); và bà Lê Thị M (đã chết).

Có vợ là Đào Thị L và 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2007 bị TAND huyện N xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc".

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/02/2020 đến ngày 28/02/2020 được tại ngoại;

Có mặt tại phiên tòa

6. Đỗ Văn B - Sinh ngày 19 tháng 7 năm 1980 tại: Xã Y1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn X, xã Y1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 02/12.

Con ông: Đỗ Văn H (đã chết) và bà Đới Thị V (đã chết).

Có vợ là Nguyễn Thị Tuyết T và 02 con.
Tiền án, tiền sự: Không
Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/02/2020 đến ngày 28/02/2020 được tại ngoại;
Có mặt tại phiên tòa

** Người làm chứng:* Anh Đỗ Văn L - Sinh năm 1973
Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa;
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào trưa ngày 25/02/2020, trong khi dự tiệc đám cưới tại thôn Đ, xã X, N, Nguyễn Văn T trú tại khu phố X, trị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa có mời Nguyễn Văn A, Trịnh Văn N, Hoàng Huy Đ, Hoàng Ngọc S và Đỗ Văn B về nhà mình chơi và ăn cơm chiều. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày khi các đối tượng đã tập trung đầy đủ tại nhà Tuấn, đang ngồi chơi uống nước nói chuyện với nhau thì T nảy sinh ý định đánh bạc nên rủ các đối tượng mỗi người bỏ ra 3.000.000 đồng để đánh bạc với hình thức chơi bài lá 03 cây (tam bát cửu), mỗi ván đặt cược là 50.000 đồng, các đối tượng đồng ý. Thống nhất xong T bảo mọi người đi lên phòng ngủ trên tầng 2 và lấy một bộ bài tú lơ khơ 36 cây từ A đến 9 có sẵn ở trong nhà ra để cho mọi người cùng đánh bạc. Cách thức chơi như sau: Sau khi các con bạc đặt tiền cược, người cầm cái chia cho mỗi người chơi 01 phần, gồm 03 quân bài. Người chơi cộng điểm theo số hiển thị trên quân bài (quân A bằng 01 điểm) để đối chiếu với điểm người cầm cái, bên nào cao điểm thì bên đó được nhận số tiền bên thua đã cược. Cách thức tính điểm như sau: Điểm của người chơi là số cuối cùng của tổng điểm 03 quân bài trong phần bài của họ (điểm 0 được quy ước là 10 điểm), người được 10 điểm được thắng gấp đôi số tiền cược và được cầm cái.

Khi tham gia đánh bạc, T, A và N mỗi người có số tiền là 3.000.000 đồng, S có 2.900.000 đồng, Đ có 2.600.000 đồng, B có số tiền là 2.500.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì lực lượng Công an đến bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 17.000.000 đồng; 36 cây bài tú lơ khơ từ A đến 9; 01 (một) chiếc chiếu tre màu vàng sẫm. Ngoài ra, lực lượng Công an kiểm tra và tạm giữ các đồ vật, tài liệu trên các đối tượng như sau: Trên người Nguyễn Văn T số tiền 32.100.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus; trên người Nguyễn Văn A số tiền 2.100.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5; trên người Trịnh Văn N số 900.000 đồng, 01 điện thoại động Iphone 6s Plus, 01 điện thoại di động NOKIA 105; trên người Hoàng Huy Đồng 01 điện thoại di động OPPO A33 màu đen; trên người Đỗ Văn B 01 điện thoại di động OPPO Renoz; trên người Hoàng Ngọc S 01 điện thoại di động NOKIA 105.

Tại cơ quan Điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc bằng hình thức chơi "tam bát cửu", được thua bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo đánh bạc là 17.000.000 đồng.

Việc Nguyễn Văn T đã tham gia đánh bạc, đồng thời đã sử dụng nơi ở hợp pháp của mình và chị Nguyễn Thị Thắm (vợ T) để đánh bạc nhưng số người tham gia đánh bạc không đủ cấu thành tổ chức đánh bạc, nên Viện kiểm sát không truy tố T về hành vi "Tổ chức đánh bạc" mà chỉ truy tố về hành vi "Đánh bạc"; chị Thắm không có mặt ở nhà, chị không biết việc các đối tượng đánh bạc tại nhà mình. Do đó không có căn cứ để xử lý trách nhiệm đối với chị Nguyễn Thị Thắm.

**** Về vật chứng của vụ án:***

- Số tiền 17.000.000 đồng là phương tiện phạm tội, đã được chuyển đến tài khoản tạm gửi tại Kho bạc nhà nước huyện Như Thanh. Đối với 36 cây bài tú lơ khơ từ A đến 9 và 01 chiếc chiếu tre màu vàng sẫm là công cụ phạm tội, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Như Thanh đã chuyển đến kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Như Thanh bảo quản chờ xử lý.

- Đối với số tiền và điện thoại di động thu trên người các đối tượng trong quá trình bắt quả tang; quá trình điều tra xác định các tài sản đó không liên quan đến việc đánh bạc nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

Tại bản cáo trạng số 10/CT- VKS ngày 25/3/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố các bị cáo: Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn A, Trịnh Văn N, Hoàng Ngọc S, Hoàng Huy Đ, Đỗ Văn B về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên quan điểm đã truy tố về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Áp dụng:* Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- *Áp dụng:* Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Huy Đ từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- *Áp dụng:* Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35, của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt các bị cáo: Trịnh Văn N, Nguyễn Văn A, Hoàng Ngọc S mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

- *Áp dụng:* Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Văn B bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng

Về hình phạt bổ sung:

- Đề nghị phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn T từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Hoàng Huy Đ.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 17.000.000 đồng tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm. Tịch thu, tiêu hủy 36 cây bài tú lơ khơ từ A đến 9 và 01 chiếc chiếu tre màu vàng sẫm là phương tiện các bị cáo dùng để phạm tội.

Về án phí: Đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà:

Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu.

Phần tranh luận: Không ai có ý kiến tranh luận

Được nói lời sau cùng, các bị cáo đều Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Như Thanh, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh và của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều được coi là đúng pháp luật.

[2] Tại phiên toà, các bị cáo đều thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời trình bày của bị cáo phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xác minh tại phiên toà. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định: Vào chiều ngày 25/02/2020, tại gia đình Nguyễn Văn T - địa chỉ: khu phố X, trị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; các đối tượng gồm: Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn A, Trịnh Văn N, Hoàng Huy Đ, Hoàng Ngọc S và Đỗ Văn B đã đánh bạc với nhau bằng hình thức "tam bát cửu", được thua bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 17.000.000 đồng (trong đó: T, A và N mỗi người có 3.000.000 đồng, S có 2.900.000 đồng, Đ có 2.600.000 đồng, B có 2.500.000 đồng). Khi các đối tượng đang đánh bạc thì bị lực lượng Công an đến bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc toàn bộ vật chứng liên quan đến tội phạm. Như vậy, hành vi của các bị cáo đều đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc". Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh truy tố các bị cáo theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn chính xác. Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định:

"Tội đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành

vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. ...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"

[3] Đối với Nguyễn Văn T đã tham gia đánh bạc, đồng thời đã sử dụng nơi ở hợp pháp của mình và chị Nguyễn Thị Thắm (vợ T) để đánh bạc nhưng số người tham gia đánh bạc không đủ yếu tố cấu thành tội tổ chức đánh bạc, nên Viện kiểm sát không truy tố T về hành vi "Tổ chức đánh bạc" mà chỉ truy tố về hành vi "Đánh bạc" là hoàn toàn chính xác. Chị Thắm không có mặt ở nhà, chị không biết việc các đối tượng đánh bạc tại nhà mình. Do đó không có căn cứ để xử lý trách nhiệm đối với chị Nguyễn Thị Thắm.

[4] *Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng:* Các bị cáo đều là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhưng không chịu lao động mà bất chấp các quy định của pháp luật, đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép nhằm thu lợi bất chính. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng tại địa phương, gây hậu quả xấu đối với đời sống kinh tế của một số gia đình trên địa bàn. Vì vậy cần xử lý kịp thời để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] *Xét vai trò của các bị cáo khi thực hiện tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng:* Vụ án có nhiều đồng phạm cùng tham gia thực hiện tội phạm nhưng không có sự phân công vai trò hoặc bàn bạc, cấu kết chặt chẽ nên không thuộc trường hợp "phạm tội có tổ chức" mà chỉ là đồng phạm giản đơn. Khi thực hiện tội phạm, Nguyễn Văn T là người khởi xướng việc đánh bạc và cũng là người dùng nơi ở của mình để cùng các đối tượng khác thực hiện tội phạm nên bị cáo có vai trò cao nhất khi thực hiện tội phạm. Các bị cáo còn lại có vai trò ngang nhau và thấp hơn vai trò của bị cáo T.

[6] *Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:*

- Hành vi của các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn A, Trịnh Văn N, Hoàng Ngọc S, Đỗ Văn B phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Văn A có bố được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng ba, bị cáo Hoàng Ngọc S có bố được tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì; bị cáo Hoàng Huy Đ, sau khi thực hiện tội phạm đã có công giúp Công an thị trấn B

đấu tranh phòng chống tội phạm về ma túy; bị cáo Trịnh Văn N bị bệnh hiểm nghèo (ung thư thanh quản) nên các bị cáo A, S, Đ, N được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, thể hiện bị cáo không có tiền án, tiền sự; chưa có lần nào bị truy cứu trách nhiệm về hành vi vi phạm pháp luật. Đối với bị cáo có Hoàng Huy Đ, ngày 08/02/2007 bị Tòa án nhân dân huyện N tuyên phạt 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "Đánh bạc" với tổng số tiền đánh bạc là 3.650.000 đồng; tuy nhiên, theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, tổng số tiền đánh bạc 3.650.000 đồng không còn bị coi là tội phạm. Mặt khác, bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ hình phạt, đã nộp đầy đủ khoản tiền theo quyết định của bản án vào ngày 30/3/2007, đồng thời không vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách. Do đó, Hoàng Huy Đ được đương nhiên xóa án tích và coi như chưa bị kết án theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Hình sự và theo hướng dẫn tại Điều 3 Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy lần phạm tội này, Hoàng Huy Đ không bị coi là tái phạm mà chỉ bị xem xét về nhân thân. Bên canh đó, các bị cáo đều có nơi cư trú ổn định, rõ ràng.

[8] Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi; vai trò thực hiện tội phạm; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho cải tạo tại địa phương hoặc phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ để răn đe giáo dục, phòng ngừa. Theo đó, cần xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn T, Hoàng Huy Đ hình phạt tù cho hưởng án treo; xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn A, Trịnh Văn N, Hoàng Ngọc S và Đỗ Văn B hình phạt tiền là phù hợp.

[9] *Về hình phạt bổ sung:* Bên cạnh hình phạt chính, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Bị cáo Hoàng Huy Đ đang nuôi con là người khuyết tật, được UBND thị trấn B xác nhận hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn; nghĩ nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo Đ. Các bị cáo Nguyễn Văn A, Trịnh Văn N, Hoàng Ngọc S và Đỗ Văn B bị xử hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 32 của Bộ luật Hình sự.

[10] *Về vật chứng của vụ án:* Đối với số tiền 17.000.000 đồng là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Đối với 36 quân bài tú lơ khơ là phương tiện các bị cáo dùng để phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy. Đối với chiếc chiếu tre thuộc quyền sở hữu của gia đình bị cáo T, là phương tiện phạm tội; hiện tại chiếc chiếu đã cũ, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[11] *Về án phí hình sự sơ thẩm:* Các bị cáo đều thuộc trường hợp phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- **Căn cứ:** Khoản 1 Điều 321; Điều 17 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố các bị cáo: **Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn A, Trịnh Văn N, Hoàng Ngọc S, Hoàng Huy Đ, Đỗ Văn B** phạm tội **"Đánh bạc"**.

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Hoàng Huy Đ** 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt các bị cáo **Nguyễn Văn A, Hoàng Ngọc** S mỗi bị cáo 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng);

Xử phạt bị cáo **Trịnh Văn N** 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Đỗ Văn B** 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Giao các bị cáo: Nguyễn Văn T, Hoàng Huy Đ cho Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người đang chấp hành án treo chuyển đi nơi khác thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục có trách nhiệm thông báo ngay cho Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để Công an làm thủ tục cần thiết giao cho cơ quan, tổ chức nơi người đó chuyển đến tiếp tục giám sát, giáo dục và thông báo bằng văn bản cho Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn T 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, tuyên:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 17.000.000 đồng tiền các bị cáo dùng để đánh bạc. Số tiền trên hiện đang gửi trong tài khoản của Chi cục Thi hành

án dân sự huyện Như Thanh tại Kho bạc Nhà nước huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa theo ủy nhiệm chi ngày 26/3/2020 của Công an huyện Như Thanh.

- Tịch thu tiêu hủy 36 quân bài tú lơ khơ và 01 chiếc chiếu tre là phương tiện các bị cáo dùng để thực hiện tội phạm. Số vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng số: 13/2020 TV-THADS ngày 27/3/2020 giữa Đại diện Chi cục thi hành án dân sự huyện Như Thanh và Cán bộ điều tra Công an huyện Như Thanh.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo: Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn A, Trịnh Văn N, Hoàng Ngọc S, Hoàng Huy Đ và Đỗ Văn B, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Quyền kháng cáo*:* Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Như Thanh;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Như Thanh;
- Bị cáo;
- Thi hành án (để thi hành);
- Phòng giám đốc án TA tỉnh Thanh hoá
- Lưu hồ sơ vụ án .

Lê Đình Huy